|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: **404**/TTr-CP | *Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2025* |

### TỜ TRÌNH

**Về** **việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025**

Kính gửi: Quốc hội

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 Khóa XIII, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và phân công của Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) của 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi được lựa chọn đặt trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp tỉnh mới)[[1]](#footnote-1) đã chủ trì, phối hợp với các địa phương liên quan xây dựng 23 hồ sơ Đề án sắp xếp 52 ĐVHC cấp tỉnh. Bộ Nội vụ đã thẩm định 23 hồ sơ Đề án nêu trên, tổng hợp, xây dựng thành 01 Đề án của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh năm 2025 và có Tờ trình số 2171/TTr-BNV ngày 08/5/2025 trình Chính phủ. Sau khi xem xét đề nghị của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của Bộ Nội vụ, Chính phủ trình Quốc hội về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh năm 2025 như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Sự cần thiết**

Tổ chức ĐVHC là một bộ phận trong cấu trúc hành chính nhà nước, thể hiện sự phân chia quyền lực giữa nhà nước trung ương với các cộng đồng lãnh thổ địa phương và là vấn đề đặc biệt quan trọng của mỗi quốc gia. Trong lịch sử hình thành và phát triển của mỗi quốc gia, số lượng, quy mô và tên gọi của các ĐVHC có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh, điều kiện kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của từng thời kỳ. Theo đó, giai đoạn 1946 - 1948, nước ta có 69 ĐVHC cấp tỉnh; giai đoạn sau năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và đến năm 1976, nước ta có 38 ĐVHC cấp tỉnh (03 thành phố và 35 tỉnh). Từ năm 2008 đến nay, nước ta tổ chức 63 ĐVHC cấp tỉnh (giai đoạn 2008 - 2024 có 05 thành phố, 58 tỉnh và đến nay có 06 thành phố, 57 tỉnh).

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ, việc tổ chức số lượng lớn các ĐVHC cấp tỉnh như hiện nay đã bộc lộ những điểm bất cập, hạn chế. Trước hết, bộ máy quản lý cồng kềnh dẫn đến chi thường xuyên lớn. Việc phân chia ĐVHC với quy mô nhỏ làm hạn chế khả năng phát triển kinh tế và liên kết vùng; các tỉnh có quy mô nhỏ, chia cắt khiến quy hoạch liên vùng khó thực hiện, đầu tư công bị dàn trải và thiếu đồng bộ, khó hình thành và phát triển các vùng kinh tế trọng điểm với cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội có quy mô lớn, hạn chế khả năng, động lực chuyển đổi số và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Theo đó, cần thiết phải thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC phù hợp với thực tiễn, xu thế phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Trước những yêu cầu của thực tiễn và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã các giai đoạn 2019 - 2021 và 2023 -2025, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025, trong đó yêu cầu “*Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số ĐVHC cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả*”[[2]](#footnote-2). Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và ý kiến các tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ các Ban, Bộ, ngành Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ đã xây dựng và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương thông qua Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Chính phủ đã trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025, làm cơ sở pháp lý xác định nguyên tắc, định hướng tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh năm 2025.

Ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TW trong đó đã chỉ đạo định hướng: *“(1) Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành. (2) Đồng ý số lượng ĐVHC cấp tỉnh sau sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương)*”; đồng thời giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng ủy Chính phủ: “*chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan hoàn thiện hồ sơ Đề án sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất ĐVHC cấp tỉnh,… trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền*”[[3]](#footnote-3). Nghị quyết số 60-NQ/TW đã định hướng cụ thể phương án sắp xếp, tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng “Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh năm 2025” để sắp xếp, tổ chức lại không gian phát triển tự nhiên và kinh tế - xã hội của ĐVHC cấp tỉnh trong cả nước là cần thiết.

**2. Quan điểm, mục tiêu**

(1) Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng tại các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

(2) Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh phải bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị; việc thực hiện phải thận trọng, kỹ lưỡng, khoa học, có cách làm phù hợp bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

(3) Kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm ổn định lâu dài; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của ĐVHC; tạo điều kiện để mỗi địa phương và cả nước phát triển đồng đều, nhanh, mạnh và bền vững, hình thành các trung tâm kinh tế mới có sức cạnh tranh cao hơn ở tầm khu vực và trên thế giới.

(4) Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh nhằm tái cấu trúc không gian phát triển tự nhiên và kinh tế - xã hội, gắn kết về lịch sử, văn hoá, xã hội đi đôi với đổi mới, nâng cao năng lực quản trị, làm cơ sở đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong giai đoạn mới.

(5) Bảo đảm sự thống nhất nhận thức trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân.

**II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

**1. Nguyên tắc sắp xếp**

(1) Quán triệt nghiêm túc chủ trương của Đảng về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

(2) Căn cứ nguyên tắc, định hướng tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, chú trọng:

- Việc xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh phải tính đến các yếu tố về điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông, sự phân bố và tổ chức các không gian kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của ĐVHC sau sắp xếp.

- Cân nhắc kỹ các yếu tố về trình độ, năng lực quản lý của cấp ủy, chính quyền địa phương, mức độ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của chính quyền địa phương và người dân; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, khu vực đảo, quần đảo và vùng biên giới; giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc của mỗi địa phương; bảo đảm khối đoàn kết gắn bó của cộng đồng dân cư.

- Gắn việc sắp xếp ĐVHC với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh được thực hiện đối với các ĐVHC có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số chưa đáp ứng tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15); có yếu tố truyền thống lịch sử, văn hoá tương đồng; có vị trí địa lý liền kề; có quy mô, tiềm năng, lợi thế và trình độ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp.

- Trường hợp sắp xếp ĐVHC phù hợp với định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được đánh giá là phù hợp quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC tương ứng, trường hợp sắp xếp tỉnh đã được định hướng thành thành phố trực thuộc trung ương thì tỉnh hình thành sau sắp xếp cần cơ bản đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thành phố trực thuộc trung ương. Đồng thời, không áp dụng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, số ĐVHC trực thuộc, loại đô thị, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các ĐVHC hình thành sau sắp xếp.

**2. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh**

Trên cơ sở quan điểm, nguyên tắc sắp xếp nêu trên, căn cứ vào hiện trạng và định hướng phát triển của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, Đề án của Chính phủ xác định:

**2.1. Số lượng ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp và không thực hiện sắp xếp**

a) Có **52** ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, gồm:

- **04** thành phố: *Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **48** tỉnh: *Hà Nam, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hoà Bình, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Ninh Thuận, Quảng Trị, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Đắk Nông, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Thuận, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Long An, Cà Mau, Quảng Nam, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Kiên Giang.*

b) Có **11** ĐVHC cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, gồm: (1) 10 ĐVHC cấp tỉnh đủ tiêu chuẩn theo quy định: *Thành phố Hà Nội, thành phố Huế, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh*; (2) 01 tỉnh chưa đủ tiêu chuẩn nhưng có yếu tố đặc thù: *Cao Bằng.*

**2.2. Phương án sắp xếp**

Có **23** phương án sắp xếp đối với **52** ĐVHC cấp tỉnh để hình thành **23** ĐVHC cấp tỉnh mới, cụ thể như sau:

(1) Nhập tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Tuyên Quang, có diện tích tự nhiên là 13.795,50 km2, quy mô dân số 1.865.270 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Tuyên Quang hiện nay.

(2) Nhập tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lào Cai, có diện tích tự nhiên 13.256,92 km2, quy mô dân số 1.778.785 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Yên Bái hiện nay.

(3) Nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh mới, có tên gọi là tỉnh Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 8.375,21 km2, quy mô dân số 1.799.489 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

(4) Nhập tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Hoà Bình và tỉnh Phú Thọ thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Phú Thọ, có diện tích tự nhiên 9.361,38 km², quy mô dân số 4.022.638 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Phú Thọ hiện nay.

(5) Nhập tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Bắc Ninh, có diện tích tự nhiên 4.718,6 km2, quy mô dân số 3.619.433 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Bắc Giang hiện nay.

(6) Nhập tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên, có diện tích tự nhiên 2.514,81 km2, quy mô dân số 3.567.943 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Hưng Yên hiện nay

(7) Nhập tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Hải Phòng, có diện tích tự nhiên 3.194,72 km2, quy mô dân số 4.664.124 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Hải Phòng hiện nay.

(8) Nhập tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thành tỉnh mới có tên gọi là Ninh Bình, có diện tích tự nhiên 3.942,62 km2, quy mô dân số 4.412.264 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Ninh Bình hiện nay.

(9) Nhập tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Trị, có diện tích tự nhiên 12.700 km2, quy mô dân số 1.870.845 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Bình hiện nay.

(10) Nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Đà Nẵng, có diện tích tự nhiên 11.859,59 km2, quy mô dân số 3.065.628 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Đà Nẵng hiện nay.

(11) Nhập tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi, có diện tích tự nhiên 14.832,55 km2, quy mô dân số 2.161.755 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

(12) Nhập tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai, có diện tích tự nhiên 21.576,53 km2, quy mô dân số 3.583.693 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Bình Định hiện nay.

(13) Nhập tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hoà thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Khánh Hoà, có diện tích tự nhiên 8.555,86 km2, quy mô dân số 2.243.554 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Khánh Hoà hiện nay.

(14) Nhập tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Thuận thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lâm Đồng, có diện tích tự nhiên 24.233,07 km2, quy mô dân số 3.872.999 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

(15) Nhập tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đắk Lắk, có diện tích tự nhiên 18.096,40 km2, quy mô dân số 3.346.853 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

(16) Nhập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh thành thành phố mới có tên gọi là Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích tự nhiên 6.772,59 km2, quy mô dân số 14.002.598 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

(17) Nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai, có diện tích tự nhiên 12.737,18 km2, quy mô dân số 4.491.408 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Đồng Nai hiện nay.

(18) Nhập tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Tây Ninh, có diện tích tự nhiên 8.536,44 km2, quy mô dân số 3.254.170 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Long An hiện nay.

(19) Nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ, có diện tích tự nhiên 6.360,83 km2, quy mô dân số 4.199.824 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Cần Thơ hiện nay.

(20) Nhập tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Vĩnh Long, có diện tích tự nhiên 6.296,2 km2, quy mô dân số 4.257.581 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Vĩnh Long hiện nay.

(21) Nhập tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Tháp, có diện tích tự nhiên 5.938,64 km2, quy mô dân số 4.370.046 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Tiền Giang hiện nay.

(22) Nhập tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Cà Mau, có diện tích tự nhiên 7.942,39 km2, quy mô dân số 2.606.672 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Cà Mau hiện nay.

(23) Nhập tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang, có diện tích tự nhiên 9.888,91 km2, quy mô dân số 4.952.238 người, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Kiên Giang hiện nay.

(*Phương án sắp xếp, diện tích tự nhiên, quy mô dân số và quy mô nền kinh tế của các ĐVHC cấp tỉnh chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*)

**3. Kết quả sau sắp xếp**

Sau sắp xếp, cả nước có **34** ĐVHC cấp tỉnh gồm **06** thành phố trực thuộc trung ương (*Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh*) và **28** tỉnh (gồm: *Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Gia Lai, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đồng Nai, Tây Ninh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang*).

**4. Đánh giá tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp**

Toàn bộ **23/23** ĐVHC cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp đã đạt định hướng tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

**III. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Về hồ sơ Đề án**

Hồ sơ Đề án đã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15. Theo đó, Đề án đã nêu rõ các căn cứ pháp lý, sự cần thiết, hiện trạng các ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, phương án sắp xếp, cơ sở lựa chọn phương án, tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp, đánh giá tác động đối với hoạt động quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các ĐVHC sau sắp xếp.

**2. Về trình tự, thủ tục**

a) Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 và các Văn bản hướng dẫn của các cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố (nơi được lựa chọn đặt trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh mới) đã chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh cùng sắp xếp xây dựng các Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh (của từng cặp tỉnh); tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và thông qua HĐND các cấp theo quy định. Kết quả lấy ý kiến Nhân dân đạt tỷ lệ đồng thuận cao, trung bình cả nước là 96,19% và 100% HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của 52 tỉnh, thành phố đã biểu quyết tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh của địa phương mình.

*(Kết quả chi tiết của từng cặp tỉnh tại Phụ lục 2 kèm theo)*

b) Bộ Nội vụ đã thẩm định 23 hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh của các địa phương và tổng hợp, xây dựng thành 01 hồ sơ Đề án của Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh năm 2025 và có Tờ trình số 2171/TTr-BNV ngày 08/5/2025 (kèm theo dự thảo Tờ trình, Đề án của Chính phủ) trình Chính phủ.

c) Sau khi xem xét đề nghị của Bộ Nội vụ và các địa phương, Chính phủ đã biểu quyết và ban hành Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 9/5/2025 thông qua hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh năm 2025 *(kèm theo 23 Đề án của địa phương).*

**IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, SẮP XẾP CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SAU KHI SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

**1. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**

Tại Đề án của Chính phủ và 23 Đề án của địa phương đã nêu cụ thể nội dung phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cụ thể như sau:

***1.1. Khối Đảng, đoàn thể***

- Thành lập Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau sắp xếp trên cơ sở hợp nhất số lượng đảng viên, tổ chức đảng trực thuộc của các tỉnh uỷ, thành uỷ trước sắp xếp.

- Chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố sau sắp theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và hướng dẫn của Trung ương.

- Thành lập cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy/Thành uỷ trực thuộc trung ương sau sắp xếp trên cơ sở hợp nhất các cơ quan, đơn vị có chức năng tương đồng của Tỉnh ủy/Thành uỷ trước sắp xếp.

- Thành lập cơ quan Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của ĐVHC mới sau sắp xếp trên cơ sở hợp nhất Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của các ĐVHC trước sắp xếp. Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh sau sắp thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

***1.2 Khối chính quyền***

(1) Chính quyền địa phương của ĐVHC cấp tỉnh mới gồm có HĐND và UBND, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

HĐND các tỉnh sau sắp xếp thành lập 03 Ban là Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội (đối với tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số có thể thành lập thêm Ban Dân tộc). HĐND thành phố trực thuộc trung ương thành lập 04 Ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị) theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

(2) Đối với các sở, cơ quan tương đương sở:

- Hợp nhất các sở, cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

- Đối với một số cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc UBND cấp tỉnh (không tổ chức đồng nhất giữa các tỉnh, thành phố cùng thực hiện sắp xếp): Cơ bản giữ nguyên mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế để bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp.

Sau sắp xếp, UBND cấp tỉnh tổ chức tối đa 14 Sở và tương đương (riêng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tối đa 15 Sở và tương đương).

- Hợp nhất Đoàn Đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trước sắp xếp thành Đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố sau sắp xếp và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ.

(3) Đối với cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong các sở, cơ quan:

Hợp nhất các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các chi cục có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Chuyển chức năng thanh tra các sở về Thanh tra tỉnh và tổ chức lại Thanh tra tỉnh (theo đề án của Trung ương về sắp xếp cơ quan thanh tra).

(4) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Hợp nhất các đơn vị sự nghiệp phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước có cùng chức năng nhiệm vụ; giữ nguyên các đơn vị sự nghiệp công lập y tế, giáo dục trên địa bàn; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc UBND tỉnh và trực thuộc các sở, cơ quan thì thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Sau sắp xếp, Chính phủ sẽ giao Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy định liên quan đến tổ chức hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để bảo đảm hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

***1.3. Đối với các cơ quan trung ương trên địa bàn***

Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương để sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trung ương thuộc ngành, lĩnh vực đóng trên địa bàn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**2. Về sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh**

***2.1. Hiện trạng***

Theo tổng hợp từ các Đề án của địa phương, tổng biên chế cán bộ, công chức, viên chức được giao của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thuộc 52 tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp: 937.935 người (gồm: 37.447 cán bộ, 130.705 công chức, 769.783 viên chức).

***2.2. Phương án bố trí, sắp xếp***

- Sau sắp xếp, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của cấp tỉnh sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản bố trí theo đúng quy định.

- Sau khi chính quyền địa phương cấp tỉnh đi vào hoạt động, Chính phủ sẽ phối hợp với các cơ quan tham mưu của Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh để xây dựng vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho địa phương.

**V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG**

Tổng hợp theo số liệu báo cáo tại Đề án của các tỉnh, thành phố: (1) Tổng số trụ sở công cấp tỉnh của 52 tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp: 38.182 trụ sở; (2) Số lượng trụ sở công dự kiến tiếp tục sử dụng: 33.956 trụ sở; (3) Số lượng trụ sở công dự kiến dôi dư: 4.226 trụ sở.

Việc bố trí, sử dụng trụ sở, xử lý tài chính, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh sẽ thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tại các Đề án, UBND các tỉnh, thành phố thực hiện sắp xếp đã có phương án, kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng, đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, bảo đảm điều kiện làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp tỉnh mới *(chi tiết tại Đề án của các cặp tỉnh kèm theo).*

**VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

 *(Kèm theo Đề án của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản, tài liệu liên quan)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng, các Phó TTgCP;- Ủy ban PL và TP của Quốc hội (20);- Văn phòng Quốc hội (30);- Bộ Nội vụ (5);- VPCP: BTCN, các PCN; các Vụ: TH, NC; QHĐP;- Lưu: VT, TCCV.  | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ** (Đã ký)**Phạm Thị Thanh Trà** |

1. Gồm UBND các tỉnh: Tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hưng Yên, Thành phố Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Bình, Thành phố Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Kiên Giang. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 2 Mục I Kết luận số 127-KL/TW. [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 5 Nghị quyết số 60-NQ/TW. [↑](#footnote-ref-3)